

Số: 106/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2015 - 2016
cho sinh viên Đại học chính quy khóa 67, 68, 69, Cao đẳng chính quy khóa 5**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/03/2002 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGD&ĐT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT/BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/04/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào thông tư số 29/2010/ TTLT/BGD&ĐT- BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ quyết định số 682/QĐ-DHN ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo đối với học viên sau đại học, sinh viên đại học và cao đẳng năm học 2014-2015;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 25/01/2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) học kỳ I, năm học 2015-2016 là các sinh viên đại học hệ chính quy các khóa 67, 68, 69 và cao đẳng chính quy khóa 5 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không bị kỷ luật trong học

kỳ I, năm học 2015-2016 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của học kỳ I, năm học 2015-2016 từ các mức điểm sau đây trở lên:

CD K5: 2,59

ĐH K67: 3,46

ĐH K68: 3,41

ĐH K69: 2,91

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2015-2016 được quy định như sau:

Đối với Đại học chính quy: Mức học bổng loại khá: 800.000đ/tháng; loại giỏi: 900.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.000.000đ/tháng.

Đối với Cao đẳng chính quy: Mức học bổng loại khá: 650.000đ/tháng; loại giỏi: 750.000đ/tháng; loại xuất sắc: 850.000đ/tháng.

Học bổng học kỳ I, năm học 2015-2016 được cấp trong học kỳ II, năm học 2015-2016.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT và sinh viên các khóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Các lớp SV;
- Niêm yết, website;
- Lưu: VT, QLSV, TCKT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Thái Nguyễn Hùng Thu

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN

Học kỳ I, năm học 2015 - 2016

(kèm theo quyết định số 106/QĐ-DHN ngày 28 tháng 01 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
1	1101339	Nguyễn Thị Hương Mơ	N2K67	3.52	0	84	Giỏi	900,000
2	1201007	Bùi Thị Phương Anh	M2K67	3.66	0	86	Giỏi	900,000
3	1201029	Trần Duy Anh	N3K67	3.82	0	89	Giỏi	900,000
4	1201054	Trần Thị Bích	M1K67	3.65	0	91	Xuất sắc	1,000,000
5	1201058	Văn Thị Kim Chi	N1K67	3.88	0	95	Xuất sắc	1,000,000
6	1201084	Lê Văn Duy	N2K67	3.46	0	84	Giỏi	900,000
7	1201088	Lê Thị Duyên	M1K67	3.74	0	91	Xuất sắc	1,000,000
8	1201091	Bạch Văn Dương	N2K67	3.75	0	92	Xuất sắc	1,000,000
9	1201137	Tào Thị Giang	N2K67	3.62	0	91	Xuất sắc	1,000,000
10	1201147	Đào Thị Hà	N3K67	3.57	0	87	Giỏi	900,000
11	1201152	Nguyễn Thị Hà	N3K67	3.70	0	95	Xuất sắc	1,000,000
12	1201155	Nguyễn Thu Hà	N1K67	3.66	0	96	Xuất sắc	1,000,000
13	1201169	Hồ Thị Thuý Hằng	N1K67	3.71	0	97	Xuất sắc	1,000,000
14	1201176	Nguyễn Thị Hằng	M1K67	3.78	0	86	Giỏi	900,000
15	1201178	Nguyễn Thúy Hằng	O1K67	3.64	0	100	Xuất sắc	1,000,000
16	1201185	Đàm Thu Hiền	N1K67	3.61	0	94	Xuất sắc	1,000,000
17	1201188	Đỗ Thanh Hiền	M1K67	3.50	0	87	Giỏi	900,000
18	1201200	Vũ Đăng Hiếu	P1K67	3.48	0	98	Giỏi	900,000
19	1201208	Nguyễn Xuân Hiếu	M3K67	3.49	0	87	Giỏi	900,000
20	1201216	Vũ Thị Phương Hoa	M3K67	3.62	0	85	Giỏi	900,000
21	1201221	Đỗ Thị Hoàn	N3K67	3.77	0	88	Giỏi	900,000
22	1201258	Nguyễn Thị Huyền	N2K67	3.95	0	88	Giỏi	900,000
23	1201259	Nguyễn Thu Huyền	N1K67	3.68	0	90	Xuất sắc	1,000,000
24	1201261	Phạm Thị Thu Huyền	N1K67	3.80	0	95	Xuất sắc	1,000,000
25	1201269	Bùi Mai Hương	M1K67	3.50	0	85	Giỏi	900,000
26	1201270	Đàm Thị Thanh Hương	N3K67	3.55	0	88	Giỏi	900,000
27	1201274	Lê Thị Lan Hương	M1K67	3.71	0	94	Xuất sắc	1,000,000
28	1201275	Nguyễn Mai Hương	N1K67	3.75	0	98	Xuất sắc	1,000,000
29	1201278	Nguyễn Thị Thu Hương	M1K67	3.54	0	95	Giỏi	900,000
30	1201327	Nguyễn Khánh Linh	N3K67	3.54	0	94	Giỏi	900,000
31	1201337	Phạm Thùy Linh	N1K67	3.48	0	86	Giỏi	900,000
32	1201338	Quản Thị Thủy Linh	N2K67	3.48	0	87	Giỏi	900,000
33	1201368	Mạc Thị Mai	N2K67	3.84	0	90	Xuất sắc	1,000,000
34	1201383	Nguyễn Văn Minh	P1K67	3.55	0	92	Giỏi	900,000
35	1201389	Vũ Thị Nhật Minh	N2K67	3.59	0	86	Giỏi	900,000
36	1201398	Hồ Thị Bích Nga	N1K67	3.64	0	95	Xuất sắc	1,000,000
37	1201401	Nguyễn Thị Ngân	M2K67	3.84	0	100	Xuất sắc	1,000,000
38	1201412	Lê Thị Ngọc	M3K67	3.47	0	87	Giỏi	900,000
39	1201423	Trần Thị Nguyệt	M1K67	3.65	0	90	Xuất sắc	1,000,000
40	1201427	Phạm Thị Nhân	M3K67	3.62	0	94	Xuất sắc	1,000,000
41	1201430	Bùi Đức Nhật	M2K67	3.49	0	86	Giỏi	900,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
42	1201438	Đặng Thị Tuyết Nhung	N2K67	3.64	0	95	Xuất sắc	1,000,000
43	1201444	Lê Thị Bạch Như	N1K67	3.79	0	95	Xuất sắc	1,000,000
44	1201449	Nguyễn Thị Oanh	N1K67	3.57	0	98	Giỏi	900,000
45	1201461	Ngô Thị Bích Phương	N1K67	3.73	0	93	Xuất sắc	1,000,000
46	1201462	Nguyễn Chính Phương	N3K67	3.46	0	87	Giỏi	900,000
47	1201465	Nguyễn Văn Phương	M2K67	3.65	0	94	Xuất sắc	1,000,000
48	1201492	Hoàng Thị Quyên	P1K67	3.75	0	95	Xuất sắc	1,000,000
49	1201505	Đỗ Đức Quý	M3K67	3.56	0	88	Giỏi	900,000
50	1201520	Nguyễn Tùng Sơn	N1K67	3.59	0	100	Giỏi	900,000
51	1201535	Cần Quang Thành	M3K67	3.57	0	94	Giỏi	900,000
52	1201541	Hoàng Hương Thảo	N3K67	3.55	0	87	Giỏi	900,000
53	1201545	Nguyễn Thị Thảo	N1K67	3.64	0	94	Xuất sắc	1,000,000
54	1201548	Phạm Thị Phương Thảo	N3K67	3.46	0	86	Giỏi	900,000
55	1201563	Nguyễn Văn Thắng	M3K67	3.50	0	90	Giỏi	900,000
56	1201576	Phí Thị Bảo Thoa	M1K67	3.56	0	85	Giỏi	900,000
57	1201582	Trần Thị Thơm	N3K67	3.66	0	89	Giỏi	900,000
58	1201585	Đặng Hoài Thu	N2K67	3.61	0	96	Xuất sắc	1,000,000
59	1201595	Lê Thị Thuỷ	N3K67	3.70	0	96	Xuất sắc	1,000,000
60	1201599	Trịnh Thị Thuý	N3K67	3.48	0	87	Giỏi	900,000
61	1201626	Đỗ Thị Thúy Trang	M3K67	3.53	0	96	Giỏi	900,000
62	1201641	Trần Thị Thu Trang	N3K67	3.79	0	99	Xuất sắc	1,000,000
63	1201679	Đào Sơn Tùng	N1K67	3.84	0	95	Xuất sắc	1,000,000
64	1201690	Chu Thị út	P1K67	3.82	0	99	Xuất sắc	1,000,000
65	1201696	Nông Thị Bích Vân	M2K67	3.46	0	86	Giỏi	900,000
66	1201705	Nguyễn Quốc Việt	M2K67	3.93	0	95	Xuất sắc	1,000,000
67	1301019	Phạm Thị Mai Anh	A1K68	3.42	0	87	Giỏi	900,000
68	1301037	Đinh Thị Chi	A3K68	3.64	0	87	Giỏi	900,000
69	1301047	Trần Văn Dân	A3K68	3.59	0	87	Giỏi	900,000
70	1301056	Nguyễn Thị Dung	A2K68	3.81	0	94	Xuất sắc	1,000,000
71	1301057	Nguyễn Thị Phương Dung	A1K68	3.70	0	95	Xuất sắc	1,000,000
72	1301064	Trần Thanh Duyên	A5K68	3.78	0	88	Giỏi	900,000
73	1301067	Đỗ Thế Dương	A5K68	3.41	0	98	Giỏi	900,000
74	1301070	Nguyễn Thị Thùy Dương	A1K68	3.53	0	92	Giỏi	900,000
75	1301079	Phan Anh Đào	A3K68	3.45	0	87	Giỏi	900,000
76	1301080	Tạ Thị Anh Đào	A5K68	3.75	0	88	Giỏi	900,000
77	1301090	Bùi Quang Đông	A4K68	3.42	0	94	Giỏi	900,000
78	1301097	Nguyễn Huỳnh Đức	A2K68	3.53	0	87	Giỏi	900,000
79	1301119	Nguyễn Ngọc Hải	A1K68	3.48	0	87	Giỏi	900,000
80	1301129	Nguyễn Thị Thanh Hằng	A5K68	3.58	0	86	Giỏi	900,000
81	1301131	Phan Thị Thúy Hằng	A4K68	3.42	0	87	Giỏi	900,000
82	1301146	Đào Cẩm Hiếu	A2K68	3.73	0	96	Xuất sắc	1,000,000
83	1301158	Trần Thị Hoa	A2K68	3.69	0	96	Xuất sắc	1,000,000
84	1301164	Hồ Xuân Hoàng	A4K68	3.52	0	87	Giỏi	900,000
85	1301178	Nguyễn Văn Huân	A4K68	3.44	0	94	Giỏi	900,000
86	1301180	Biện Thị Mai Huệ	A2K68	3.47	0	85	Giỏi	900,000
87	1301193	Nguyễn Thị Huyền	A3K68	3.75	0	86	Giỏi	900,000
88	1301206	Trần Thị Hương	A2K68	3.73	0	99	Xuất sắc	1,000,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
89	1301209	Lê Thu Hường	A5K68	3.80	0	88	Giỏi	900,000
90	1301251	Phạm Thị Thanh Loan	A5K68	3.78	0	87	Giỏi	900,000
91	1301264	Nguyễn Thị Lý	A1K68	3.62	0	86	Giỏi	900,000
92	1301279	Lê Đức Mười	A1K68	3.67	0	90	Xuất sắc	1,000,000
93	1301286	Ngô Thị Thanh Nga	A2K68	4.00	0	93	Xuất sắc	1,000,000
94	1301301	Đỗ Thị Nhung	A1K68	3.50	0	86	Giỏi	900,000
95	1301303	Lương Thùy Nhung	A3K68	3.78	0	88	Giỏi	900,000
96	1301321	Chu Văn Phòng	A5K68	3.56	0	87	Giỏi	900,000
97	1301322	Bùi Bích Phương	A5K68	3.42	0	88	Giỏi	900,000
98	1301325	Lê Thị Phương	A1K68	3.47	0	96	Giỏi	900,000
99	1301326	Lê Thị Quỳnh Phương	A1K68	3.47	0	88	Giỏi	900,000
100	1301337	Vũ Thị Kim Phượng	A1K68	3.81	0	86	Giỏi	900,000
101	1301351	Lê Ngọc Quỳnh	A5K68	3.48	0	88	Giỏi	900,000
102	1301360	Nguyễn Văn Sơn	A5K68	3.50	0	86	Giỏi	900,000
103	1301368	Đỗ Thị Thanh	A3K68	3.67	0	99	Xuất sắc	1,000,000
104	1301370	Trương Thị Thanh Thanh	A1K68	3.62	0	99	Xuất sắc	1,000,000
105	1301404	Hoàng Phương Thúy	A4K68	3.61	0	93	Xuất sắc	1,000,000
106	1301452	Đỗ Thị Tung	A5K68	3.62	0	87	Giỏi	900,000
107	1301456	Đào Thị Thanh Tuyền	A2K68	3.88	0	96	Xuất sắc	1,000,000
108	1301470	Hoàng ánh Vân	A1K68	3.69	0	92	Xuất sắc	1,000,000
109	1301473	Chu Phùng Ngọc Việt	A2K68	3.58	0	88	Giỏi	900,000
110	1301489	Nguyễn Thị Yến	A2K68	3.70	0	88	Giỏi	900,000
111	1401001	Dương Thế An	A7K69	3.01	0	90	Khá	800,000
112	1401004	Nguyễn Thị An	A2K69	3.37	0	87	Giỏi	900,000
113	1401016	Đinh Thị Ngọc Anh	A7K69	3.00	0	90	Khá	800,000
114	1401017	Đỗ Phương Anh	A3K69	3.10	0	97	Khá	800,000
115	1401027	Nguyễn Kim Anh	A7K69	3.38	0	86	Giỏi	900,000
116	1401036	Phạm Tuấn Anh	A4K69	2.94	0	97	Khá	800,000
117	1401045	Trịnh Thị Vân Anh	A3K69	3.88	0	95	Xuất sắc	1,000,000
118	1401053	Nguyễn Thị ánh	A4K69	3.12	0	92	Khá	800,000
119	1401065	Điền Minh Châu	A4K69	3.59	0	98	Giỏi	900,000
120	1401066	Điền Thị Ngọc Châu	A4K69	3.76	0	99	Xuất sắc	1,000,000
121	1401067	Đỗ Thị Phương Chi	A3K69	3.62	0	95	Xuất sắc	1,000,000
122	1401080	Nguyễn Mạnh Cường	A3K69	3.06	0	86	Khá	800,000
123	1401099	Hồ Thị Dung	A6K69	2.91	0	86	Khá	800,000
124	1401111	Nguyễn Thị Duyên	A5K69	3.07	0	83	Khá	800,000
125	1401170	Nguyễn Việt Hà	A1K69	3.22	0	95	Giỏi	900,000
126	1401175	Lê Đình Hải	A7K69	3.25	0	89	Giỏi	900,000
127	1401184	Trịnh Thu Hải	A3K69	3.60	0	94	Xuất sắc	1,000,000
128	1401189	Cao Thị Thu Hằng	A4K69	3.37	0	88	Giỏi	900,000
129	1401198	Vũ Thu Hằng	A2K69	3.35	0	84	Giỏi	900,000
130	1401202	Đỗ Thị Hiền	A1K69	3.38	0	83	Giỏi	900,000
131	1401206	Nguyễn Thị Hiền	A2K69	3.41	0	87	Giỏi	900,000
132	1401207	Nguyễn Thị Minh Hiền	A5K69	3.41	0	80	Giỏi	900,000
133	1401212	Vũ Thị Thu Hiền	A2K69	3.12	0	87	Khá	800,000
134	1401215	Nguyễn Thị Thu Hiếu	A1K69	3.40	0	83	Giỏi	900,000
135	1401266	Trần Thị Huế	A3K69	3.40	0	93	Giỏi	900,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
136	1401267	Vũ Thị Phương Huế	A7K69	3.24	0	80	Giỏi	900,000
137	1401269	Hồ Thị Thanh Huệ	A1K69	3.32	0	92	Giỏi	900,000
138	1401286	Nguyễn Thị Minh Huyền	A6K69	2.99	0	85	Khá	800,000
139	1401302	Đặng Mai Hương	A1K69	3.29	0	95	Giỏi	900,000
140	1401315	Phan Thị Hường	A3K69	2.94	0	82	Khá	800,000
141	1401316	Trần Thị Hường	A1K69	3.18	0	84	Khá	800,000
142	1401338	Lý Trung Kiên	A4K69	2.94	0	93	Khá	800,000
143	1401345	Vũ Thanh Lam	A6K69	3.09	0	93	Khá	800,000
144	1401348	Vũ Thị Ngọc Lan	A1K69	3.01	0	94	Khá	800,000
145	1401359	Đinh Thùy Linh	A5K69	2.91	0	86	Khá	800,000
146	1401363	Lê Văn Linh	A2K69	2.97	0	97	Khá	800,000
147	1401367	Nguyễn Phương Linh	A7K69	3.51	0	80	Giỏi	900,000
148	1401368	Nguyễn Thị Linh	A4K69	3.32	0	88	Giỏi	900,000
149	1401371	Phạm Nguyễn Khánh Linh	A4K69	3.60	0	93	Xuất sắc	1,000,000
150	1401390	Nguyễn Thị Ly	A6K69	2.93	0	83	Khá	800,000
151	1401405	Nguyễn Ngọc Minh	A4K69	3.72	0	89	Giỏi	900,000
152	1401407	Trần Nhật Minh	A2K69	3.19	0	99	Khá	800,000
153	1401420	Nguyễn Thu Nga	A6K69	3.13	0	78	Khá	800,000
154	1401429	Đinh Thị Minh Ngọc	A4K69	3.24	0	85	Giỏi	900,000
155	1401431	Lê Minh Ngọc	A3K69	3.38	0	98	Giỏi	900,000
156	1401444	Phạm Thị Thảo Nguyên	A1K69	3.21	0	85	Giỏi	900,000
157	1401456	Phạm Thị Hồng Nhung	A2K69	3.32	0	87	Giỏi	900,000
158	1401461	Trần Thị Nữ	A7K69	3.21	0	80	Giỏi	900,000
159	1401464	Đoàn Thị Lâm Oanh	A6K69	3.25	0	83	Giỏi	900,000
160	1401467	Nguyễn Thị Oanh	A6K69	3.10	0	93	Khá	800,000
161	1401474	Cao Việt Phương	A3K69	3.03	0	99	Khá	800,000
162	1401485	Bùi Thị Phụng	A1K69	3.03	0	86	Khá	800,000
163	1401488	Nguyễn Kim Phụng	A3K69	3.26	0	98	Giỏi	900,000
164	1401502	Trương Anh Quân	A2K69	3.22	0	100	Giỏi	900,000
165	1401509	Dương Ngọc Quỳnh	A6K69	3.35	0	82	Giỏi	900,000
166	1401515	Nguyễn Hương Quỳnh	A1K69	2.93	0	86	Khá	800,000
167	1401524	Dương Thị Sang	A7K69	3.06	0	80	Khá	800,000
168	1401548	Nguyễn Thị Thanh	A3K69	3.60	0	94	Xuất sắc	1,000,000
169	1401549	Nguyễn Thị Thanh	A6K69	2.93	0	84	Khá	800,000
170	1401553	Nguyễn Tấn Thành	A4K69	3.44	0	85	Giỏi	900,000
171	1401561	Lý Thị Thu Thảo	A1K69	3.00	0	82	Khá	800,000
172	1401567	Thái Thị Hương Thảo	A7K69	3.10	0	80	Khá	800,000
173	1401577	Phạm Hữu Thắng	A4K69	3.07	0	86	Khá	800,000
174	1401579	Nguyễn Văn Thiên	A2K69	3.00	0	86	Khá	800,000
175	1401627	Nguyễn Thị Trang	A7K69	3.04	0	80	Khá	800,000
176	1401653	Lê Công Trục	A2K69	3.28	0	98	Giỏi	900,000
177	1401660	Nguyễn Văn Tuấn	A7K69	3.24	0	85	Giỏi	900,000
178	1401666	Nguyễn Thị Tuyền	A3K69	3.32	0	88	Giỏi	900,000
179	1401668	Phạm Kim Tuyền	A7K69	3.41	0	80	Giỏi	900,000
180	1401669	Nguyễn Thị Tuyết	A5K69	2.94	0	86	Khá	800,000
181	1401681	Lê Đức Việt	A1K69	3.06	0	90	Khá	800,000
182	1401683	Văn Quốc Khánh Việt	A2K69	3.03	0	89	Khá	800,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
183	1401697	Đặng Thị Hải Yến	A7K69	2.97	0	80	Khá	800,000
184	1401705	Phạm Thị Hoàng Yến	A7K69	3.07	0	80	Khá	800,000
185	1403003	Đinh Thị Lan Anh	D2K5	2.71	0	85	Khá	650,000
186	1403042	Hoàng Ngọc Hải	D2K5	2.71	0	82	Khá	650,000
187	1403060	Lê Thị Hoa	D2K5	2.66	0	85	Khá	650,000
188	1403066	Bùi Thị Hoài	D1K5	2.80	0	86	Khá	650,000
189	1403093	Vũ Thị Lan Hương	D1K5	3.11	0	85	Khá	650,000
190	1403104	Trần Thị Lan	D1K5	2.75	0	85	Khá	650,000
191	1403105	Trần Thị Phương Lan	D1K5	2.68	0	84	Khá	650,000
192	1403106	Văn Thị Lan	D1K5	3.12	0	85	Khá	650,000
193	1403110	Phạm Thị Mỹ Linh	D1K5	2.71	0	80	Khá	650,000
194	1403119	Trần Thị Lướt	D1K5	2.59	0	85	Khá	650,000
195	1403120	Đặng Thị Ly	D2K5	2.80	0	84	Khá	650,000
196	1403121	Nguyễn Thị Hương Ly	D1K5	3.05	0	84	Khá	650,000
197	1403126	Hoàng Thị Huyền Mi	D1K5	2.73	0	80	Khá	650,000
198	1403143	Nguyễn Thị Minh Ngọc	D2K5	3.07	0	88	Khá	650,000
199	1403151	Phạm Thị Hồng Nhung	D2K5	2.59	0	86	Khá	650,000
200	1403174	Lê Thị Quỳnh	D2K5	2.59	0	84	Khá	650,000
201	1403182	Lưu Hồng Thanh	D1K5	2.84	0	86	Khá	650,000
202	1403187	Nguyễn Thị Xuân Thảo	D2K5	2.80	0	86	Khá	650,000
203	1403191	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D2K5	2.64	0	85	Khá	650,000
204	1403205	Hoàng Thị Trang	D2K5	2.75	0	86	Khá	650,000
205	1403215	Trần Thị Tuất	D2K5	2.64	0	84	Khá	650,000
Tổng								180,550,000

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG 

 Thái Nguyễn Hùng Thu